

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **252/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 08 - 10 - 2019
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 609/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/9/2019 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1981.

- *Bị đơn:* Trần Văn D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 1998 chị M và anh D được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ hôn nhân giữa chị M và anh D có 01 con chung tên Trần Duy Linh, sinh năm 1998 (đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh D; về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh D thừa nhận và thống nhất với lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng sự thật.

Nay anh D đồng ý ly hôn với chị M. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị M xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh D mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M khởi kiện anh D về việc ly hôn và anh D có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Chị M và anh D tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị M và anh D không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị M và anh D là vợ chồng là phù hợp.

[4] *Xét về con chung:* Đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị M và anh D cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí:* Chị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị M và Trần Văn D là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị M phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị M đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0002649 ngày 10/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung